

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong Quý I năm 2025

Thực hiện điểm c Mục 3 Phần IV Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân” (Đề án 977) và khoản 4.2 Mục II Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 14/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án 977 trên địa bàn tỉnh năm 2025, Sở Tư pháp thông cáo báo chí các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong Quý I năm 2025 như sau:

I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BAN HÀNH TRONG QUÝ I/2025

- Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 06/01/2025 ban hành Quy định tiêu chuẩn chức danh viên chức quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Đắk Lắk.
- Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 07/01/2025 ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách Nhà nước phục vụ công tác định giá đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
- Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND ngày 14/01/2025 ban hành Quy chế phân cấp quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến từ nguồn ngân sách Trung ương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
- Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 ban hành Quy định khung giá cho thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng không bằng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
- Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng truy nhập cấp II phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

6. Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

7. Quyết định số 07/2025/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 về việc phân cấp thực hiện giải quyết 02 thủ tục hành chính lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

8. Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 ban hành Quy định về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 13/02/2025 về việc quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất, mức đơn giá thuê đất đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

10. Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 17/02/2025 ban hành Quy định về quản lý đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường thôn và kết nối giao thông đường địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

11. Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu dùng chung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND và Quy chế bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND.

12. Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 25/02/2025 quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

13. Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 về việc điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất giai đoạn 2020 – 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

14. Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 về việc ban hành Quy định một số chỉ tiêu khi áp dụng phương pháp thặng dư và các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất, mức độ chênh lệch tối đa của từng yếu tố ảnh hưởng đến giá đất khi xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

15. Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 về việc ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai với các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

16. Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 18/03/2025 về việc quy định mức nộp tiền khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

17. Quyết định số 17/2025/QĐ-UBND ngày 27/03/2025 về việc ban hành Quy định về sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

18. Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 27/03/2025 về việc Quy định về thời gian, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

19. Quyết định số 19/2025/QĐ-UBND ngày 28/03/2025 về việc ban hành Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

20. Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 31/03/2025 Quy định thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

21. Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 31/03/2025 Quy định phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 06/01/2025 ban hành Quy định tiêu chuẩn chức danh viên chức quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 17/01/2025.

b) Nội dung chủ yếu: Quy định tiêu chuẩn chức danh viên chức quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Đắk Lắk, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh thuộc UBND tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Đắk Lắk, gồm các tiêu chuẩn về: chính trị tư tưởng; đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật; trình độ; năng lực và uy tín; sức khỏe, độ tuổi, kinh nghiệm công tác; ban hành tiêu chuẩn cụ thể đối với từng chức danh viên chức quản lý.

Ngoài ra, UBND tỉnh cũng phân cấp cho các cơ quan, đơn vị thực hiện một số nội dung về tiêu chuẩn viên chức quản lý như: quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích, kết quả và sản phẩm cụ thể, quy định danh mục các chức danh, chức vụ tương đương trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 07/01/2025 ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách Nhà nước phục vụ công tác định giá đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 17/01/2025.

b) Nội dung chủ yếu: các định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách Nhà nước phục vụ công tác định giá đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, áp dụng cho những công việc sau:

- Xây dựng, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất đối với khu vực xây dựng bảng giá đất theo khu vực, vị trí;

- Định giá đất cụ thể theo quy định.

Đối tượng áp dụng là cơ quan quản lý nhà nước về đất đai, các cơ quan có chức năng xây dựng, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, thẩm định, quyết định bảng giá đất theo vị trí đất; cơ quan, người có thẩm quyền, quyết định giá đất cụ thể; tổ chức tư vấn xác định giá đất, cá nhân hành nghề tư vấn xác định giá đất; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác định giá đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

3. Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND ngày 14/01/2025 ban hành Quy chế phân cấp quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến từ nguồn ngân sách Trung ương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 24/01/2025.

b) Nội dung chủ yếu: quy định về phân cấp quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến, tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào, người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a (gọi chung là người trực tiếp tham gia kháng chiến) do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk từ nguồn ngân sách trung ương đảm bảo.

Theo phân cấp, Sở Lao động -Thương binh và Xã hội là cơ quan chịu trách nhiệm quản lý chung và thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách Trung ương tại địa phương theo ủy quyền của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội. Phòng Lao động -Thương binh và Xã hội các huyện, thị xã, thành phố thực hiện quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân

nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do Sở Lao động -Thương binh và Xã hội phân bổ và giao dự toán.

4. Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 ban hành Quy định khung giá cho thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng không bằng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 05/02/2025, thay thế Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành quy định khung giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở xã hội do hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) *Nội dung chủ yếu:* quy định khung giá cho thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng không bằng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk để áp dụng cho các trường hợp làm cơ sở để chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thỏa thuận giá thuê nhà ở và bên thuê nhà ở; làm cơ sở để cá nhân tự đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thỏa thuận giá thuê nhà ở và bên thuê nhà ở.

Theo đó, khung giá cho thuê nhà ở xã hội quy định như sau:

Đơn vị tính: Đồng/m² sàn sử dụng/tháng

STT	Loại nhà	Giá cho thuê tối thiểu	Giá cho thuê tối đa
1	Nhà 1 tầng, căn hộ khép kín, kết cấu tường gạch chịu lực, mái bê tông cốt thép đổ tại chỗ	25.000	107.000
2	Nhà từ 2 đến 3 tầng, Khung chịu lực bê tông cốt thép, tường xây gạch, sàn, mái bê tông cốt thép đổ tại chỗ không có tầng hầm	38.300	164.100
3	Nhà từ 4 đến 5 tầng, Khung chịu lực bê tông cốt thép, tường xây gạch, sàn, mái bê tông cốt thép đổ tại chỗ không có tầng hầm	38.900	169.300
4	Chung cư số tầng ≤ 5 tầng		
4.1	Không có tầng hầm	36.500	159.600
4.2	Có 1 tầng hầm	42.700	186.600
5	$5 < \text{Chung cư số tầng} \leq 7$		
5.1	Không có tầng hầm	47.000	205.600
5.2	Có 1 tầng hầm	50.300	219.900
6	$7 < \text{Chung cư số tầng} \leq 10$		
6.1	Không có tầng hầm	48.400	216.000
6.2	Có 1 tầng hầm	50.700	226.000
7	$10 < \text{Chung cư số tầng} \leq 15$		
7.1	Không có tầng hầm	50.800	226.300

7.2	Có 1 tầng hầm	52.200	232.700
8	15 < Chung cư số tầng ≤20		
8.1	Không có tầng hầm	56.500	252.100
8.2	Có 1 tầng hầm	57.400	255.700

Khung giá cho thuê nhà ở xã hội này được tính cho 01 (một) m² sàn sử dụng nhà ở (diện tích sử dụng căn hộ) trong 01 tháng, bao gồm: Chi phí đầu tư xây dựng công trình, lợi nhuận định mức, chi phí bảo trì, thuế giá trị gia tăng, chi phí hợp lý khác; không bao gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, chi phí quản lý vận hành, kinh phí bảo hiểm cháy, nổ, chi phí trông giữ xe, chi phí sử dụng nhiên liệu, năng lượng, nước sinh hoạt, dịch vụ truyền hình, thông tin liên lạc, thù lao cho ban quản trị nhà chung cư và chi phí dịch vụ khác phục vụ cho việc sử dụng riêng của chủ sở hữu, người sử dụng nhà.

Đối với nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng không bằng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn đã ký hợp đồng cho thuê nhà trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện đến hết hợp đồng đã ký. Trường hợp điều chỉnh giá thuê trong hợp đồng thì thực hiện theo Quyết định này.

5. Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng truy nhập cấp II phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 04/02/2025, thay thế Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

b) Nội dung chủ yếu: quy định quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng (sau đây gọi tắt là Mạng TSLCD) truy nhập cấp II phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Sở Thông tin và Truyền thông là đơn vị trực tiếp quản lý và vận hành Mạng TSLCD truy nhập cấp II; phối hợp với doanh nghiệp viễn thông triển khai kết nối, vận hành và xử lý sự cố Mạng TSLCD truy nhập cấp II theo quy định và Quản lý thiết bị Mạng TSLCD truy nhập cấp II. Các doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ cho các cơ quan, đơn vị thực hiện xử lý sự cố theo quy định, báo cáo cho Sở Thông tin và Truyền thông và đơn vị sử dụng dịch vụ.

6. Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định quy định về chức năng, nhiệm vụ,

quyền hạn của Sở Tư pháp, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 04/02/2025.

b) Nội dung chủ yếu: sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk, Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 05/01/2022 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk, Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Cụ thể, Sở Tư pháp giúp UBND tỉnh kiểm tra công tác đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký đất đai theo thẩm quyền; hướng dẫn, tổ chức thực hiện, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và thực hiện chế độ báo cáo về việc đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về thống kê.

Sở Tư pháp, Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trong và ngoài công lập thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.

7. Quyết định số 07/2025/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 về việc phân cấp thực hiện giải quyết 02 thủ tục hành chính lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 05/02/2025.

b) Nội dung chủ yếu: phân cấp cho Sở Nội vụ thực hiện giải quyết 02 thủ tục hành chính lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh được quy định tại Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo, cụ thể, phân cấp cho Sở Nội vụ thực hiện 02 thủ tục hành chính lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo sau đây:

- Thủ tục thông báo tổ chức quyền góp đề thực hiện hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo đối với trường hợp quyền góp không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 25 của Nghị định số 95/2023/NĐ-CP.

- Thủ tục thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức.

8. Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 ban hành Quy định về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 22/02/2025, thay thế Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về trình tự, trách nhiệm xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân trên địa bàn tỉnh.

b) Nội dung chủ yếu: quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong việc đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; soạn thảo, thẩm định, thông qua dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh trình và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi tắt là dự thảo văn bản quy phạm pháp luật).

Thủ trưởng các sở, ban, ngành ở chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật trong trường hợp để xảy ra vi phạm; trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm đầy đủ, kịp thời kinh phí và các nguồn lực khác để tổ chức xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định. Sở Tư pháp chủ trì giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh; chủ trì, phối hợp đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; kiến nghị hình thức xử lý trách nhiệm đối với các trường hợp dự thảo văn bản được phân công thực hiện không bảo đảm về chất lượng, chậm tiến độ, không bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật v.v...

9. Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 13/02/2025 về việc quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất, mức đơn giá thuê đất đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 25/02/2025, thay thế Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá thuê đất, đơn giá thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 27/2023/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 của Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc

quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá thuê đất, đơn giá thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Nội dung chủ yếu: Quyết định này quy định về:

- Mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Mức đơn giá thuê đất đối với đất xây dựng công trình ngầm quy định tại điểm c khoản 2 Điều 27 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Mức đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Các trường hợp thuê đất, thuê đất có mặt nước, thuê đất để xây dựng công trình ngầm trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành và đang trong thời gian ổn định đơn giá thuê đất thì tiếp tục ổn định đơn giá thuê đất cho đến hết thời gian.

10. Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 17/02/2025 ban hành Quy định về quản lý đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường thôn và kết nối giao thông đường địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 27/02/2025, thay thế Quyết định số 12/2011/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý đường đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì đường giao thông nông thôn, cầu trên đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 42/2023/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Nội dung chủ yếu: quy định việc quản lý đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường thôn; trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác.

Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý đường đô thị (trừ phạm vi đường đô thị đi trùng với quốc lộ, đường tỉnh, cao tốc đi qua đô thị), đường huyện trong địa giới hành chính thuộc phạm vi quản lý và các tuyến hoặc đoạn tuyến đường khác

do Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý. Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý đường xã, đường thôn trên địa bàn (kể cả đường giao thông nông thôn do Nhân dân tự làm, Nhà nước hỗ trợ vốn) và các tuyến đường khác do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.

Về thẩm quyền quyết định vị trí nút giao đầu nối, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định vị trí nút giao để kết nối vào các tuyến đường tỉnh và các tuyến đường khác do Sở Giao thông vận tải quản lý; Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định vị trí nút giao để kết nối vào các tuyến đường đô thị (trừ phạm vi đường đô thị đi trùng với quốc lộ, đường tỉnh, cao tốc đi qua đô thị), đường huyện, đường xã, đường thôn và các tuyến, đoạn tuyến đường khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý.

11. Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu dùng chung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND và Quy chế bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 03/3/2025.

b) Nội dung chủ yếu: sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 Quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu dùng chung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh, như sau: “1. Dữ liệu số là dữ liệu điện tử được tạo lập bằng phương pháp dùng tín hiệu số”.

Bên cạnh đó, sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy chế bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của UBND tỉnh, gồm:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 12 Điều 3;
- Sửa đổi, bổ sung khoản 14 Điều 3;
- Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 5;
- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 6;
- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 8;

Trường hợp các văn bản viện dẫn thực hiện tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

12. Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 25/02/2025 quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 07/3/2025, thay thế Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, Quyết định số 29/2023/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhà nước về giá ban hành kèm theo Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 của UBND tỉnh; bãi bỏ điểm c, khoản 3 Điều 9 Quy định mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, ban hành kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

b) Nội dung chủ yếu: phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk gồm các nội dung như: thực hiện bình ổn giá; lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ; thẩm định phương án giá; tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá, kê khai giá; thực hiện kê khai giá; quản lý cơ sở dữ liệu về giá v.v...

Đối với thực hiện bình ổn giá, Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực đánh giá diễn biến thực tế và mặt bằng giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn; có trách nhiệm đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) tổ chức triển khai các biện pháp bình ổn giá đối với các mặt hàng cụ thể.

Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương gồm: dịch vụ lưu trú; dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi; vật liệu xây dựng chủ yếu khác gồm: đất san lấp, xây dựng công trình; đá làm vật liệu xây dựng thông thường (đá hỗn hợp sau nổ mìn, đá học, đá cấp phối, đá dăm các loại, đá chẻ, đá mặt; cát vàng dùng trong xây dựng; giống phục vụ sản xuất nông nghiệp.

13. Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 về việc điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất giai đoạn 2020 – 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 26/02/2025.

b) Nội dung chủ yếu: Quyết định này điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất giai đoạn 2020 – 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã được kéo dài thời gian thực hiện theo Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND tỉnh kéo dài thời hạn áp dụng các Quyết định về Bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành theo quy định của Luật Đất đai năm 2013. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã tiếp nhận hồ sơ của người sử dụng đất trước thời điểm Quyết định

này có hiệu lực thi hành, giá đất để tính nghĩa vụ tài chính, thuế về đất đai được tiếp tục thực hiện theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ.

14. Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 về việc ban hành Quy định một số chỉ tiêu khi áp dụng phương pháp thặng dư và các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất, mức độ chênh lệch tối đa của từng yếu tố ảnh hưởng đến giá đất khi xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 14/3/2025.

b) Nội dung chủ yếu: quy định một số chỉ tiêu cụ thể khi áp dụng phương pháp thặng dư và các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất, mức độ chênh lệch tối đa của từng yếu tố ảnh hưởng đến giá đất khi xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm đ khoản 2 và điểm đ khoản 3 Điều 6; khoản 3 Điều 8 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/ 2024 của Chính phủ quy định về giá đất.

15. Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 về việc ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai với các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 17/3/2025, thay thế Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, cơ quan Thuế và các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện một số chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng đăng ký đất đai.

b) Nội dung chủ yếu: quy định trách nhiệm phối hợp trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai với cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan Tài chính, cơ quan Thuế và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong các hoạt động: thực hiện đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; phối hợp thực hiện đo đạc, cập nhật, chỉnh lý bản đồ địa chính; thực hiện lập, chỉnh lý hồ sơ địa chính; cập nhật, đồng bộ hoá, khai thác dữ liệu đất đai; xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin đất đai; phối hợp thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; phối hợp quản lý viên chức, người lao động thuộc Văn phòng đăng ký đất đai.

16. Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 18/03/2025 về việc quy định mức nộp tiền khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 01/4/2025, thay thế Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) *Nội dung chủ yếu:* quy định mức nộp tiền khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa, trừ các công trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công hoặc vốn nhà nước ngoài đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng. Theo đó, mức nộp tiền khi được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Mức nộp tiền} & = & \text{Diện tích đất chuyên} & & \text{Giá của loại đất} & & \\ & & \text{trồng lúa phải chuyển} & & \text{trồng lúa tính theo} & & \\ & & \text{sang mục đích phi} & \times & \text{Bảng giá đất tại} & \times & 50\% \\ & & \text{nông nghiệp} & & \text{thời điểm chuyển} & & \\ & & & & \text{mục đích sử dụng} & & \\ & & & & \text{đất} & & \end{array}$$

Các quyết định giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trước khi Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa thì thực hiện mức nộp tiền theo quy định tại Quyết định này.

17. Quyết định số 17/2025/QĐ-UBND ngày 27/03/2025 về việc ban hành Quy định về sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 08/4/2025

b) *Nội dung chủ yếu:* Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh; không áp dụng đối với xe thô sơ

là xe lăn dùng cho người khuyết tật, xe tương tự xe lăn dùng cho người khuyết tật; xe thô sơ là xe vật nuôi kéo, xe tương tự xe vật nuôi kéo.

Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa bằng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ phải thông báo đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú về thông tin loại phương tiện và người điều khiển phương tiện (họ, tên và số định danh cá nhân) tham gia kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa; từ chối vận tải hành khách có hành vi gây rối trật tự công cộng, cản trở hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải, ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác, gian lận vé v.v..

Người điều khiển phương tiện kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa phải đảm bảo các điều kiện theo quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Không được từ chối vận tải hành khách, hàng hóa, trừ lý do theo quy định; có trách nhiệm giúp đỡ hành khách; có thái độ phục vụ văn minh, lịch sự; có trách nhiệm sơ cứu hành khách có biểu hiện đau ốm, sinh nở; mặc trang phục theo quy định; không được chuyển hành khách, hàng hóa sang phương tiện khác khi chưa được sự đồng ý của hành khách, người thuê vận chuyển, trừ trường hợp bất khả kháng v.v...

Xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ được hoạt động kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên các tuyến đường giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, trừ các tuyến đường, đoạn đường có cấm biển báo cấm hoặc hạn chế hoạt động. Xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ được hoạt động kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa 24/24 giờ hằng ngày, trừ các tuyến đường, đoạn đường có cấm biển báo cấm hoặc hạn chế hoạt động theo giờ.

18. Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 27/03/2025 về việc quy định về thời gian, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 08/4/2025.

b) Nội dung chủ yếu: quy định thời gian, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; không áp dụng đối với xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ quy định tại khoản 6 Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ thuộc xe ưu tiên theo quy định tại Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Theo đó, xe bốn bánh có gắn động cơ tham gia vận chuyển hành khách, xe bốn bánh có gắn động cơ tham gia vận chuyển hàng hóa được phép hoạt động trên các tuyến đường bộ thuộc địa bàn tỉnh Đắk Lắk có đặt biển báo theo quy định, trừ các tuyến đường tuyến đường cấm, tuyến đường có cấm biển báo cấm theo quy định của pháp luật, trừ các tuyến đường sau: Các tuyến đường, khu vực cấm hoặc hạn chế hoạt động theo quy định pháp luật và quy định hiện hành có liên quan.

Hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được phép hoạt động toàn bộ thời gian trong ngày nhưng phải tuân theo việc tổ chức, phân luồng giao thông của lực lượng chức năng và biển báo hạn chế thời gian hoạt động của xe bốn bánh có gắn động cơ trên từng đoạn đường, tuyến đường.

19. Quyết định số 19/2025/QĐ-UBND ngày 28/03/2025 về việc ban hành Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 12/4/2025, thay thế các Quyết định: số 15/2022/QĐ-UBND ngày 25/4/2022; số 08/2024/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

b) Nội dung chủ yếu:

Theo đó, đối với hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị, quy định cụ thể các yêu cầu đối với đơn vị kinh doanh vận tải và phương tiện hoạt động vận tải trong đô thị; hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị. Đối với tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị, Quy định nêu rõ:

- Khuyến khích các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt đầu tư ngay các phương tiện xe buýt có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật.

- Tỷ lệ (%) phương tiện của đơn vị vận tải đăng ký tham gia khai thác tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk phải đảm bảo có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật như sau: Đến hết năm 2030 phải có ít nhất 10% tổng số phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến. Giai đoạn từ năm 2031 đến hết năm 2035 mỗi năm tăng thêm ít nhất 2% tỷ lệ phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến. Sau năm 2035, tối thiểu phải đạt 20% tổng số phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến.

20. Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 31/03/2025 quy định thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 10/4/2025.

b) Nội dung chủ yếu: thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk như sau:

- Xe vệ sinh môi trường:

+ Đối với tuyến đường trong đô thị: Không được hoạt động trong khung giờ cao điểm từ 6 giờ đến 8 giờ sáng và 16 giờ đến 18 giờ chiều.

+ Đối với tuyến đường ngoài đô thị: Không hạn chế thời gian hoạt động.

- Xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời: Phương tiện vận tải chở vật liệu xây dựng, phế thải rời hoạt động không hạn chế thời gian, trên cơ sở tuân thủ hiệu lệnh, chỉ dẫn của hệ thống báo hiệu đường bộ; khi dừng xe, đỗ xe để xếp, dỡ hàng hóa phải đúng vị trí được phép dừng xe, đỗ xe và phải đảm bảo an toàn giao thông, tuân thủ các quy tắc về dừng xe, đỗ xe trên đường bộ và trên đường phố quy định tại Điều 18 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

21. Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 31/03/2025 quy định phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 10/4/2025.

b) Nội dung chủ yếu: xe thô sơ được hoạt động trên các tuyến đường bộ, trừ các tuyến đường cấm theo quy định của pháp luật và các tuyến đường, đoạn đường có cấm biển báo cấm hoặc hạn chế loại phương tiện hay thời gian hoạt động. Riêng xe vật nuôi kéo không được đi vào làn đường dành cho xe cơ giới (quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ).

Xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ được hoạt động trên các tuyến đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có đặt biển báo theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, trừ các tuyến đường cấm, tuyến đường có đặt biển báo cấm theo quy định pháp luật và quy định hiện hành có liên quan.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong Quý I năm 2025, Sở Tư pháp xin thông báo./.

Nơi nhận:

- Cục PBGDPL, Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử PBGDPL tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, NV2.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Đức Hà